

Bản án số: 06/2025/KDTM-ST

Ngày: 27-8-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và hợp đồng phát hành
thẻ tín dụng quốc tế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: ông Trần Huỳnh Đức Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐDST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: H L, phường G (phường L, quận Đ), TP .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Đức C, sinh năm 1997

Đại chỉ liên lạc: Tầng B, B Xa lộ H, phường L (phường T, TP .), tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/09/2024)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần F

Địa chỉ: Số A H, tổ E, ấp B, xã P (xã P, huyện N), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hồng T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1964

Địa chỉ: D đường số F, phường P (phường P, thành phố T), TP ..

(Ông C có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V do ông Phạm Đức C đại diện trình bày:

Công ty cổ phần F và Ngân hàng TMCP V đã ký kết Hợp đồng tín dụng số QN2/23039 ngày 04/04/2023 với nội dung: Ngân hàng cho Công ty cổ phần F vay số tiền 6.969.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất cửa chống cháy và các loại cửa khác, sản xuất đồ nội ngoại thất chống cháy; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

Công ty cổ phần F và Ngân hàng TMCP V đã ký kết hợp đồng hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 07/06/2023, số thẻ 341-C-363657, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 32%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Huỳnh Thị Thu H đã thế chấp quyền sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 566, 567 tờ bản đồ số 20, địa chỉ: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, TP .). Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 002989, quyền số: 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/04/2023. Việc thế chấp đã được đăng thế chấp đúng theo quy định của pháp luật.

Các khoản vay trên của Công ty cổ phần F tại V2 còn được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân bà Huỳnh Thị Thu H theo Hợp đồng bảo lãnh số: QN2/23039/HDBL ngày 04/04/2023.

Đến ngày 15/02/2024, Công ty cổ phần F vi phạm hợp đồng, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty cổ phần F thực

hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên nhưng Công ty cổ phần F vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP V yêu cầu khởi kiện:

Tuyên buộc Công ty cổ phần F phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền tính đến ngày 27/8/2025 là: 8.643.343.244 đồng; trong đó: nợ gốc là 6.968.998.664 đồng, nợ lãi là 1.323.975.618 đồng, nợ lãi chậm trả là 8.219.811 đồng và tiền nợ phát hành thẻ tín dụng là 342.149.151 đồng.

T1 buộc Công ty cổ phần F phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến ngày thực tế Công ty cổ phần F trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 566, 567 tờ bản đồ số 20, địa chỉ: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, TP .) là tài sản thế chấp được bảo đảm thanh toán nợ cho Công ty cổ phần F.

Trường hợp Công ty cổ phần F không thanh toán nợ thì bà Huỳnh Thị Thu H phải tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo lãnh số: QN2/23039/HDBL ngày 04/04/2023.

Bị đơn Công ty cổ phần F không đến Tòa án tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H không đến Tòa án tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 27/8/2025 là: 8.643.343.244 đồng; trong đó: nợ gốc là 6.968.998.664 đồng, nợ lãi là 1.323.975.618 đồng, nợ lãi chậm trả là 8.219.811 đồng và tiền nợ phát hành thẻ tín dụng là 342.149.151 đồng.

T1 buộc Công ty cổ phần F phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến ngày thực tế Công ty cổ phần F trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 566, 567 tờ bản đồ số 20, địa chỉ: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, TP .) là tài sản thế chấp được bảo đảm thanh toán nợ cho Công ty cổ phần F.

Trường hợp Công ty cổ phần F không thanh toán nợ thì bà Huỳnh Thị Thu H phải trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo lãnh số: QN2/23039/HDBL ngày 04/04/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty cổ phần F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty cổ phần F và bà Huỳnh Thị Thu H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP V3 khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần F thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

[3.1] Đối với số tiền nợ gốc và lãi:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của nguyên đơn nên có đủ cơ sở xác định: Công ty cổ phần F và Ngân hàng TMCP V đã ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số QN2/23039 ngày 04/04/2023 với nội dung: Ngân hàng cho Công ty cổ phần F vay số tiền 6.969.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất cửa chống cháy và các loại cửa khác, sản xuất đồ nội ngoại thất chống cháy; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất: Lãi suất thoả thuận theo từng kế ước nhận nợ.

Công ty cổ phần F và Ngân hàng TMCP V đã ký kết hợp đồng hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 07/06/2023, số thẻ 341-C-363657, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 32%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho Công ty cổ phần F vay số tiền 7.169.000.000 đồng nêu trên.

Từ ngày 15/02/2024, Công ty cổ phần F không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần F phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 8.643.343.244 đồng; trong

đó: nợ gốc là 6.968.998.664 đồng, nợ lãi là 1.323.975.618 đồng, nợ lãi chậm trả là 8.219.811 đồng và tiền nợ phát hành thẻ tín dụng là 342.149.151 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[3.2] Đối với tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Huỳnh Thị Thu H đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 566, 567 tờ bản đồ số 20, địa chỉ: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, TP.). Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 002989, quyền số: 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/04/2023. Việc thế chấp đã được đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật.

Xét việc thế chấp quyền sử dụng đất của bà H là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên tài sản thế chấp nêu trên được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Đối với việc bảo lãnh của bà Huỳnh Thị Thu H:

Giữa Công ty cổ phần F và bà Huỳnh Thị Thu H có ký hợp đồng bảo lãnh ngày 04/4/2023 thể hiện trường hợp Công ty cổ phần F không thanh toán nợ thì bà Huỳnh Thị Thu H phải trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo lãnh số: QN2/23039/HDBL ngày 04/04/2023 (bút lục 53). Xét việc bảo lãnh của bà Huỳnh Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính lãi chậm trả.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty cổ phần F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.643.342 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.860.000đ theo biên lai tạm ứng án phí số 0022149 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

[6] Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn Công ty cổ phần F phải nộp tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và thu thập chứng cứ là 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 317, 318, 319, 325, 335, 336, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn Công ty cổ phần F về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế”.

Xử buộc Công ty cổ phần F phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền nợ gốc lãi là 8.643.343.244 đồng; trong đó: nợ gốc là 6.968.998.664 đồng, nợ lãi là 1.323.975.618 đồng, nợ lãi chậm trả là 8.219.811 đồng và tiền nợ phát hành thẻ tín dụng là 342.149.151 đồng.

Kể từ ngày 28/8/2025, Công ty cổ phần F còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 566, 567 tờ bản đồ số 20, địa chỉ: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, TP .) là tài sản thế chấp được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty cổ phần F.

Trường hợp Công ty cổ phần F không thanh toán nợ thì bà Huỳnh Thị Thu H phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo hợp đồng bảo lãnh số: QN2/23039/HDBL ngày 04/04/2023.

2. Về án phí: Công ty cổ phần F phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 116.643.343 đồng (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.860.000đ theo biên lai tạm ứng án phí số 0022149 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn Công ty cổ phần F phải nộp 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lệ phí thu thập chứng cứ và xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nên Công ty cổ phần F phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND khu vực 2- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm